TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Ông Vi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ: Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N - sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 7, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P - sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 7, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 13/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 7, xã H, thị xã P. Quá trinh chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm. Đến tháng 02/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hợp nhau, anh P thường đánh chửi chị. Đến tháng 9/2021, vợ chồng mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh P đã đánh chị và chị đã báo cáo trưởng khu hành chính

cùng Công an xã giải quyết. Sau đó anh P đã xin lỗi và hứa sẽ sửa chữa. Đến tháng 10/2021, anh P vẫn thường xuyên chửi chị nên vợ chồng chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Ngọc P nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh P đều vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Như vậy, anh P cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai của anh P và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị N.

Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc P.

-Về con chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Nguyễn Ngọc P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh P cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh P không có bản tự

khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 25/3/2022, bị đơn anh Nguyễn Ngọc P đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh P đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Ngọc P.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Dương Thị N và anh Nguyễn Ngọc P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân với nhau không ai quan tâm đến ai. Qua biên bản xác minh tại chính quyền địa P nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân khó có thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Chị N trình bày vợ chông không có con chung, còn anh P vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chi N trình bày không có nên không đề nghị giải quyết. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, anh P vắng mặt, không có quan điểm nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. *Về án phí*: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

2. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002730 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Chị Dương Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thu Hiền